

# LUẬN CÂU XÁ TỤNG SỐ BỐN

## QUYỂN 5

### 1. Nói chung về đồng phần:

Dưới đây là thứ hai của toàn văn, nói về chúng đồng phần:

Luận chép: Đã nói tướng đặc và phi đặc như vậy, còn đồng phần là thế nào? Tụng chép: Đồng phần hữu tình thấy.

Giải thích: Đồng phần: là nêu các chương.

Hữu tình thấy: Là giải thích đồng nghĩa là giải thích đồng nhau về thân hình v.v... Vì thân hình nghiệp, dụng dục lạc của loài hữu tình xoay vần tương tự lẫn nhau.

Phần nghĩa: Là nhân, vì nhân này làm cho thân hữu tình giống nhau, vì phần đồng nên gọi là đồng ấy phần nhau, thuộc về y chủ thích.

Hữu tình: Là sở y của đồng phần để hiểu rõ vô tình.

Thấy (Vân vân): Là bao gồm vô tình nói lên đồng phần năng y.

Luận chép: Có một vật thật gọi là đồng phần nghĩa là các hữu tình dần dần giống nhau, luận này nói thế gọi là chúng đồng phần

Giải thích: Chúng đồng phần là có nhiều đồng phần, đây lại có hai thứ:

1) Chặng khác nhau; 2) Có khác nhau.

Chặng khác nhau: Đồng phần hữu tình của các hữu tình tất cả hữu tình đều giống nhau vì đồng là hữu tình nên gọi là chặng khác nhau.

Đồng phần hữu tình là phân biệt với vô tình. Tông này nói vô tình không có đồng phần.

Chặng khác nhau: Giới, địa, thú sinh, chủng tánh nam nữ. Cư sĩ tỳ kheo, bậc Hữu học, Vô học đều có đồng phần riêng. Vì mỗi loại hữu tình đều có. Cõi là ba cõi, địa là cõi chín địa.

Đường: Là năm đường.

Sinh: Là bốn sinh.

Chủng tánh: Là sát-đế-lợi. Vì có khác nhau nên gọi là khác nhau.

## 2. Lại có pháp đồng phần:

Lại có pháp đồng phần: là tùy theo uẩn xứ giới, năm uẩn xứ mười hai, mười tám giới, tự loại tương tự. Ba pháp này gọi là pháp đồng phần, là sở y. Vì có vật thật nên gọi là pháp đồng phần. Vì hay làm cho các pháp giống nhau. Nên văn tụng đều là văn thuộc về hai đồng phần.

Nói hữu tình: Là phân biệt với vô tình. Cho nên lời nói của hữu tình cũng thuộc vào pháp đồng phần.

Luận chép: Nếu không có vật thật, thì không có tướng khác nhau gọi là đồng phần, xoay vần khác nhau trong các hữu tình thì hữu tình hữu tình không có khác nhau.

Giác và lập bày lẽ ra không đắc hữu, các uẩn như thế không có giác khác nhau và lập bày như lý nên biết.

(Giải thích: Giác là đồng phần năng duyên, là trí giác)

Thi thiết: Gọi là đồng phần lập bày, do đồng phần thật có mới có duyên đồng phần giác trí và đồng phần lập bày đều dùng tên trí này chứng thật lập hữu đồng phần. Vì ý vào Kinh bộ tông giả lập đồng phần, đây là nêu ý của tông làm sáng tỏ cái thật.

## 3. Nói về quả Vô tướng:

Dưới đây là thứ ba nói về quả Vô tướng:

Luận chép: Đã nói về đồng phần rồi vậy Vô tướng là gì?

Tụng:

*Trong Vô tướng Vô tướng*

*Tâm và tâm sở diệt*

*Dị thực ở quảng quả.*

Giải thích: Trong Vô tướng Vô tướng thì tâm và tâm sở diệt. Là giải thích Vô tướng. Ở trên nói Vô tướng là Vô tướng dị thực. Ở dưới nói Vô tướng là tầng trời Vô Tướng. Nghĩa là ở tầng trời Vô Tướng có dị thực Vô tướng. Cho nên luận chép: nếu sinh lên tầng trời Vô tướng hữu tình, có pháp làm cho tâm vương và tâm sở diệt nên gọi là Vô Tướng, là thật có vật có thể ngăn ngại tâm vương và tâm sở ở vị lai làm cho tạm thời không sinh khởi, như đập ở sông hồ. (Giải thích: Đã diệt được tâm: Là nói có vật thật, y theo Kinh bộ tông thì Vô tướng là giả, đây là nêu tông nói vật thật).

Dị thực ở trời Quảng Quả: là nói rộng hai môn.

Dị thực: Là môn phân biệt năng loại nghĩa là tu định Vô tướng là nhân Dị thực, cảm với năm trăm đại kiếp dị thực Vô tướng làm quả.

Ở trời Quảng Quả: Là thứ hai nói về chỗ ở. Hữu tình Vô tướng ở trời Quảng Quả, không có địa riêng, nghĩa là trên tầng trời quảng quả

có chỗ cao xa tốt đẹp gọi là trời Vô Tướng. Như trong Sơ thiên có đài gác cao, chỗ ở của Đại Phạm vương gọi là thiên Trung gian.

Hỏi: cõi kia là hằng Vô tướng hay cũng có tướng?

Đáp: Trong giai đoạn sinh tử, thường có tướng.

Vô tướng: Do trung gian kia năm trăm đại kiếp tướng không hiện khởi.

Sinh tử có tướng: Ở cõi Vô Tướng lúc mới sinh ra có tâm, khi chết có tâm. Cho nên khế kinh chép: Các hữu tình do tướng hiện khởi. Cho nên chết chỗ kia, nhưng hữu tình kia như ngũ lâu, thức dậy lại khởi lên tướng. Luận chép: chết chỗ kia sẽ sinh vào cõi Dục, không có chỗ nào khác. Trước tu định thì thế lực hết, nên họ không thể lại tu định. Như mũi tên bắn lên hư không, năng lực hết thì rơi xuống. Các hữu tình đáng được sinh về cõi kia thì sẽ có cõi Dục, thuận theo sau đó mà thọ nghiệp. Như lẽ ra sinh về châu câu-lô ở phía Bắc nhất định sẽ có nghiệp sinh lên tầng trời.

Giải thích: Đây là nói về tầng trời Vô tướng chắc chắn sẽ lui sụt, nghĩa khác để hiểu.

Hỏi: Sinh cõi Dục là đường nào?

Đáp: Luận Bà sa quyển một trăm năm mươi bốn chép: có thuyết nói đọa vào địa ngục, có thuyết nói đọa vào đường ác. Nói như thế là chắc chắn sinh lên cõi Dục. Chỗ ở không chắc chắn, hoặc sinh ở tầng trời, hoặc sinh cõi người hoặc đọa vào đường ác.

Hỏi: Vì sao đọa vào năm đường ở cõi Dục không chắc chắn?

Giải thích: Các ngoại đạo tu định Vô tướng, lúc ở gia hạnh hoặc khởi tà kiến, chê bai Niết-bàn của họ Thích, hoặc khởi kiến chấp, chấp tầng trời Vô tướng là giải thoát, chân thật hoặc khởi chấp giới, chấp định Vô tướng là đạo chân chính. Những mê hoặc như thế là nhân của đường ác. Đã tu định này rồi kế lại lừa dục, hoặc khởi sinh đắc, hoặc văn, hoặc tư. Những việc thiện như thế là nhân cõi lành. Vì thiện ác xen lẫn hiện khởi mà sinh vào năm đường không nhất định.

#### **4. Nói về hai định:**

Dưới đây là thứ tư của toàn văn. Nói về hai định, trong đó có ba:

- a. Định Vô tướng.
- b. Định Diệt tận.
- c. Thân sở y.

- Định Vô tướng: Luận chép: đã nói về Vô tướng rồi, hai định là gì? Là hỏi chung, là định Vô tướng và định Diệt tận (là đáp chung). Định Vô tướng tướng của nó thế nào? (là hỏi chung).

Tụng chép:

*Định Vô tướng như thế  
Tịnh lự sau cầu thoát  
Thiện chỉ thuận sinh thọ  
Phi Thánh được một đời.*

Giải thích: Định Vô tướng như thế: Trước nói Vô tướng diệt tâm, tâm sở. Có tánh thật thể, như thế lại có vật khác vì tâm bất tướng ứng diệt tâm, tâm sở nên gọi là định Vô tướng. Y theo diệt tâm đồng nên gọi như thế.

Vô Tướng: Là định gọi là định Vô tướng, hoặc Vô tướng của định nên gọi là định Vô tướng.

Vô Tướng là người tu Vô tướng vì người tu Vô tướng thành tựu định này gọi là định Vô tướng. Định Vô tướng thuộc về y chủ thích.

Hoặc định Vô tướng: Vô tướng tức là định thuộc về trì nghiệp thích.

Tịnh lự sau : là nói về địa sở y, tu định Vô tướng.

Y theo thiền thứ tư, trong thiền định là chỗ sau cùng.

Cầu thoát: là nói tác ý. Các ngoại đạo chấp quả Vô tướng là giải thoát chân thật. Vì cầu sự chứng nên tu định Vô tướng.

Thiện chỉ thuận sinh thọ: thiện là môn ba tánh.

Định Vô tướng này chỉ là tánh thiện, vì là thiện nên chiêu cảm tầng trời Vô tướng.

Chỉ thuận sinh thọ: là nói về thời gian thọ quả báo là định Vô tướng ở đời thứ hai sẽ thọ quả ấy. Chỉ nói là phân biệt không thuận đời này đời sau và không chắc thọ báo cho nên luận chép: Nếu khởi định này sau đó tuy lui sụt theo truyền thuyết nói đời này sẽ trở lại có thể sẽ sinh trong cõi hữu tình Vô tướng, cho nên được định này, sẽ không thể nhập chánh tánh vô sinh.

Phi Thánh được một đời:

Phi Thánh: là nói người tu chỉ có ngoại đạo tu định Vô tướng chắc chắn không phải bậc Thánh.

Luận chép: Vì các bậc Thánh đối với định này như thấy hố sâu nên không thích nhập. Chấp Vô tướng là giải thoát chân thật mà khởi tướng xuất ly mà tu định này. Tất cả bậc Thánh không chấp Hữu lậu là giải thoát chân thật và xuất ly chân thật. Cho nên sẽ không tu hành định này.

(Giải thích: Chấp tầng trời Vô tướng là giải thoát, chân thật, định Vô tướng là xuất ly chân thật, là thoát ly sinh tử).

Được một đời: là nói về thành tựu. Đó là định Vô tướng, lúc niệm mới hiện khởi chỉ là đời này gọi là một đời. Như lúc mới thọ đắc giới biệt giải thoát, định Vô tướng này từ niệm thứ hai trở đi. Cho đến chưa xả, vì các hữu ký cũng thành quá khứ, là các pháp Đắc sau. Cho nên biệt niệm đầu chỉ thành một đời, niệm thứ hai v.v... nếu chưa xuất quán thì đều thành hiện tại quá khứ. Vì vô tâm không có vị lai tu, không có pháp đắc trước. Nếu xuất quán rồi chỉ thành quá khứ. Luận chép: Nếu các bậc Thánh lúc tu đắc thiền thứ tư, hoặc như tĩnh lự thì có đắc định Vô tướng quá khứ vị lai hay không?

Giải thích: ý của vấn đề này: như bậc Thánh lúc mới tu chứng được Thiền thứ tư, quá khứ đã mất tĩnh lự và vị lai chưa khởi thiền định, và từng quen lúc nay được chung, vì có tâm thiền định thành tựu chung ba đời. Bậc Thánh này là như tĩnh lự cũng đắc định Vô tướng quá khứ, vì vị lai chưa khởi có định Vô tướng không vì định Vô tướng là thiền thứ năm.

Lúc bậc Thánh tu đắc thiền thứ tư, đã đắc tĩnh lự hữu tâm quá khứ vị lai, Vô tướng của quá khứ, vị lai lẽ ra cũng có đắc cho nên vấn đề hỏi này, còn lại cũng không đắc (là đáp, phạm phu khác đắc thiền thứ tư cũng không đắc định Vô tướng quá khứ vị lai hướng chỉ là bậc Thánh).

Vì sao? (Là nêu) vì tuy họ từng tu tập, do vô tâm, nên phải đợi gia hạnh, phương tiện tu đắc, nên khi mới đắc chỉ được một đời.

Đáp: Trước là hỏi, Định Diệt tận kia: sanh ở quá khứ, tuy từng tu tập nhưng vì vô tâm nên nay lại phải tu gia hạnh mới đắc được, cho nên biết phạm phu tu đắc thiền thứ tư vì chưa tu định Vô tướng nên không thể đắc. Dưới đây là thứ hai, nói về định Diệt tận. Luận chép: tướng định Diệt tận như thế nào?

### 5. Nói về định Diệt tận:

Tụng chép:

*Định Diệt tận cũng vậy  
Là tĩnh trụ Hữu Đảnh  
Thiện hai thọ bất định  
Thánh do gia hạnh đắc  
Thành Phật đắc chẳng trước  
Vì ba mươi bốn niệm.*

Giải thích: Câu đầu nêu ra thể, ba câu kế là nói về sự khác nhau. Câu năm câu sáu nói về Phật đắc.

Định Diệt tận cũng vậy: Định Diệt tận này có thể tánh thật, diệt tâm và tâm sở, đồng với Vô tướng ở trước. Vì diệt tâm sở cho nên nói

cũng vậy.

Là tĩnh trụ: là nói rõ tác ý. Định Vô tướng ở trước, vì cầu giải thoát, lấy tác ý xuất ly tướng làm đầu. Định Diệt tận này là cầu tĩnh trụ, lấy tác ý tướng ngừng dứt làm đầu.

Hữu Đảnh: là nói về sở y. Định Vô tướng trước nương vào thiên thứ tư, tận Định Diệt này chỉ nương vào Hữu Đảnh, nghĩa là các địa dưới đều gọi là hữu tướng, hành tướng thô động khó dứt trừ. Địa Hữu Đảnh này gọi là Phi tướng. Hành tướng nhỏ nhiệm dễ dứt. Cho nên chỉ Hữu Đảnh, là có định Diệt tận.

Thiện hai thọ bất định thiện là môn ba tánh. Nghĩa là định Diệt tận tánh nó là thiện, không phải nhiễm vô ký nghĩa là thiện tâm bình đẳng khởi.

Hai thọ bất định: là nói về thời gian thọ quả báo.

Hai thọ: là thuận sinh và thuận hậu. Định Diệt tận này có cả thuận sinh và thuận hậu và bất định thọ là y theo về định có thuận sinh thọ và thuận hậu thọ.

Tụng nói bất định: là gồm hai bất định.

1) Báo chắc chắn, thời bất định.

2) Thời báo đều bất định. Nên luận chép: Hoặc có bất định thọ, báo này chắc chắn thời bất định, hoặc hoàn toàn thọ, nghĩa là nếu ở cõi dưới được bát Niết-bàn thì thời và báo này đều bất định.

Như A-la-hán đắc định Diệt tận nhập Niết-bàn không thọ quả báo. Định Diệt tận này chỉ chiêu cảm, bốn uẩn Dị thực của Hữu Đảnh.

Thánh do gia hạnh đắc:

Thánh: là nói người tu hành.

Định Diệt tận này chỉ có bậc Thánh đắc mà thôi.

Luận chép: Dị sinh không thể khởi, vì sợ hãi đoạn diệt chỉ có năng lực của Thánh đạo mới khởi phát được, hiện pháp Niết-bàn thắng giải nhập.

Giải thích: Định Diệt tận y vào Hữu Đảnh mà hiện khởi, định kia không có sắc nếu lại diệt tâm thì thành đoạn diệt, cho nên sợ hãi. Bậc Thánh nhập Diệt định tạo tâm cao siêu như nhập Niết-bàn, còn chúng sinh thì không khởi được.

Gia hạnh đắc: Định Diệt tận này chỉ có gia hạnh đắc, không phải là lìa nhiễm đắc. Vì vô tâm nên phải có gia hạnh đắc mới được. Còn lúc mới đắc chỉ có được đời hiện tại, từ niệm thứ hai cho đến chưa xả cũng thành ở cả quá khứ và hiện tại. Nếu xuất quán rồi chỉ thành quá khứ, thành Phật đắc không phải như trước là nói Phật đắc định Diệt tận.

Thành Phật đắc: là nói lúc thành Phật đắc định Diệt tận không phải như trước, là không phải gia hạnh đắc ở trước, thành Phật đắc là nói lên lìa nhiễm đắc. Đó là Phật Thế tôn lúc tận trí sinh thành quả vị Phật. Bấy giờ lìa nhiễm này được định Diệt tận không do gia hạnh mà tu đắc cho nên luận chép: Phật không có một đức nào do gia hạnh đắc khi tạm khởi dục lạc hiện tiền, tất cả đức tròn đầy tùy lạc mà khởi. Cho nên các đức của Phật đều lìa nhiễm đắc.

Giải thích: Nhưng lúc lìa nhiễm được các công đức cho nên các công đức gọi là lìa nhiễm đắc. Tùy theo sự ưa thích mà hiện khởi, không phải gia hạnh.

Lại luận chép: Thế Tôn chưa hề khởi định Diệt tận khi đắc tận trí làm sao được thành câu phần giải thoát?

Giải thích: giai vị Hữu học của Bồ-tát chưa khởi Diệt định lúc thành Phật lẽ ra có định làm ngăn ngại, vì sao nói thành câu phần giải thoát.

Câu phần giải thoát: là lìa chướng ngại của định tuệ. Khi khởi Diệt định được tự tại, nếu khởi rồi gọi là câu giải thoát.

Giải thích: là lời đáp. Định Diệt tận này khi thành Phật tuy chưa hiện khởi nhưng được tự tại nếu khởi rồi gọi là câu giải thoát, hoặc được tâm Diệt định xuất nhập về sau, không gọi là câu giải thoát, tức do lý này gọi là lìa nhiễm đắc, do gia hạnh khởi nên không đắc thể của định, vì định Diệt tận không phải pháp đắc trước cho nên không đắc.

### **6. Thuyết của các sư phương Tây:**

Các sư phương Tây nói học vị của Bồ tát khởi định này trước, sau mới đắc bồ-đề, vì sao ở đây không chấp nhận thuyết ấy.

Giải thích: Là tông kinh Bộ ở đây chấp nhận Bồ tát từ thấy đạo xuất rồi nhập định Diệt tận từ định Diệt tận xuất mới dứt Hữu Đảnh. Lúc tận trí khởi thì thành câu giải thoát. Luận chủ hỏi: Tông Tát-Bà-Đa nói: tại sao trong đây không chấp nhận thuyết ấy. Nếu chấp nhận thuyết ấy thì thuận với Tôn giả Ô-ba-cúc-đa, Lý Mục Túc luận như luận kia chép phải nói Như Lai trước khởi định Diệt tận, sau mới phát sinh tận trí.

Giải thích: Luận chủ bàn với sư tây phương nên lấy giải thích này.

Vì ba mươi bốn niệm: là ngăn thuyết của sư phương tây, thuyết của sư Tỳ-bà-sa nước Ca-thấp-di-la nói không phải trước khởi Diệt định sau đó mới sinh tận trí vì sao? Vì theo truyền thuyết ba mươi bốn niệm của Bồ tát thành bồ đề trong để hiện quán có sáu mươi niệm lìa tham

của Hữu Đảnh có sáu mươi niệm nghĩa là dứt Hữu Đảnh, chín đạo vô gián, chín đạo giải thoát, mười tám đạo như thế, cộng với mười sáu thức trước thành ba mươi bốn niệm. Tất cả Bồ tát quyết định trước ở vô sở hữu xứ, đã lìa được tham mới nhập Thấy đạo, không phải dứt phiền não địa dưới ở Trung gian này không dễ khởi được tâm không đồng loại.

Giải thích: Bồ-tát trước dứt trừ tham ở Vô sở hữu xứ sau đó y vào thiền thứ tư mà khởi ba mươi bốn niệm. ba mươi bốn niệm này chỉ là tâm Vô lậu. Cho nên không thể nói xuất kiến đạo rồi khởi định Diệt tận. Vì tâm nhập định Diệt tận là Hữu lậu. Tâm Hữu lậu này đối với ba mươi bốn niệm gọi là khác nhau loại cho nên không thể khởi.

### 7. Nói về sở y của định:

Dưới đây là thứ ba, nói về sở y của định: Luận chép: đã nói hai định có nhiều đồng khác mà trong đó lại có đồng khác Tụng chép:

*Hai định nương dục sắc*

*Diệt định trong người đầu.*

Giải thích: Hai định nương cõi Sắc cõi Dục: là giải thích thân sở y.

Hai định: là định Vô tưởng và định Diệt tận hai định này đều nương vào sắc thân ở cõi Dục mà hiện khởi.

Hỏi: Định Vô tưởng trước không nương vào Vô Sắc, lý không nghi ngờ. Vì sao định Diệt tận này không nương vào Vô Sắc.

Đáp: Mạng căn nương vào hai pháp mà chuyển; hai pháp đó là:

1) Sắc; 2) Tâm.

Nếu ở cõi Dục, cõi sắc mà khởi định Diệt tận thì bấy giờ tuy vô tâm. Nhưng mạng căn nương vào sắc mà chuyển, sinh ở cõi Vô Sắc. Đã không có sắc thân nếu khởi định Diệt tận thì không có sắc tâm, mạng nương vào đâu mà chuyển, vậy thì đoạn diệt, không thể gọi là nhập định cho nên cõi Vô Sắc không khởi Diệt định.

Luận chép: Nếu có người không chấp nhận cũng y vào cõi Sắc mà khởi định Vô tưởng thì trái với văn này. Nghĩa là luận này nói: Hoặc có sắc hữu này, hữu này chẳng phải năm hành đó là sắc ràng buộc hữu tình. Hoặc sinh lên tầng trời Vô tưởng, trụ tâm khác nhau loại, hoặc nhập định Vô tưởng hoặc nhập định Diệt tận hoặc sinh lên cõi Vô tưởng đã nhập được Vô tưởng chính là sắc hữu, hữu này chẳng phải năm hành.

Giải thích: Thuyết của Bà sa không chấp nhận ở cõi cõi Sắc mà khởi định Vô tưởng. Cho dẫn chứng luận này để nói lên cái sai ấy.

### 8. Thuyết khác:



Hoặc có người cho là sắc hữu: là hữu tình ở cõi Sắc.

Hữu này chẳng phải năm hành: Tuy hữu tình ở cõi Sắc không đủ năm uẩn Phật Ca-diếp ở quá khứ nói: Năm uẩn là năm hành, ở đây có bốn thứ:

1) Sinh ở tầng trời Hữu Tướng. Trụ tâm khác nhau loại.

Sinh tầng trời Hữu tướng: trong các tầng trời cõi Sắc trừ tầng trời Vô tướng các cõi còn lại là hữu tướng. Ở tầng trời hữu tướng khởi tâm cõi Vô Sắc và tâm Vô lậu với tâm cõi Sắc, vì loại không đồng nên gọi là khác nhau loại.

2) Ở đây chỉ có sắc uẩn và hành uẩn, không có thọ tướng và thức. Vì không có sắc ràng buộc. Sinh ở tầng trời hữu tướng rồi nhập định Vô tướng

3) Sinh ở cõi Hữu tướng rồi nhập định Diệt tận.

4) Sinh cõi Vô tướng rồi mới nhập dị thực Vô tướng. Ba thứ sau này là thọ tướng thức diệt. Chỉ có sắc uẩn và hành uẩn, nên bốn thứ này không đủ năm hành, văn của luận này đã nói sinh cõi hữu tướng hoặc nhập định Vô tướng, hoặc nhập định Diệt tận. Nên biết hai định này hiện khởi ở cõi Sắc

Diệt định trong người đầu: Đây là nói về Diệt định sơ khởi trong con người đó là định Vô tướng. Vô thì từng tu tập lúc khởi thì dễ. Cho nên trong hai cõi đều được sơ khởi. Định Diệt tận này chưa hề tu tập, khi khởi thì khó cho nên phải ở trong cõi người mới khởi Diệt định. Trong cõi người có thuyết nói là sức lực, vì tuệ giải bén nhạy.

Luận chép: Đây ở cõi người trước tu khởi rồi do lui sụt đứng đầu mới sinh ở cõi Sắc, nương vào thân cõi Sắc, sau đó lại tu khởi.

Giải thích: Diệt định có lui sụt thì sinh ở cõi Sắc. Nếu không lui sụt thì sinh thẳng lên tầng trời Hữu Đảnh. Sinh ở cõi Sắc là do năng lực tu tập trước mới khởi Diệt định. Nhưng hai định này diệt tâm và tâm sở.

Nhưng chỉ nói Vô tướng diệt thọ tướng: Vì trong gia hạnh nhằm chán thứ này cho nên nêu riêng. Lại như ngoại đạo chấp có khổ vui lấy làm sinh tử muốn tu Vô tướng trước phải nghĩ rằng: cõi Dục có khổ, Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, có hỷ lạc thọ, không hiểu tứ thiên có xả, và pháp tâm, tâm sở khác.

Mà nói rằng: Ở thiên thứ tư tuy ra khỏi khổ vui nhưng có tướng niệm chưa chứng Niết-bàn, nay ta phải diệt. Cho nên trong gia hạnh chán ghét tướng. Nếu các bậc Thánh cho rằng cõi Dục, cõi Sắc có thọ mệnh nhọc. Trong thiên thứ tư Vô Sắc có tướng thô động, vì cầu trụ tĩnh

tạm muốn dứt tâm, nên trong gia hạnh nhằm chán thọ và tưởng. Bởi vậy hai hạnh này nương vào gia hạnh mà đặt tên.

Nên luận chép: Trong gia hạnh của hai định này có nhằm chán thọ tưởng như cũng biết thọ tưởng chỉ gọi là tha tâm trí.

Giải thích: Tha tâm trí tuy biết tâm sở nhưng tu gia hạnh chỉ muốn biết tâm vương. Cho nên từ gia hạnh gọi là tha tâm trí. Nhưng hai định này dùng hai mươi hai vật để làm thể, vì tu định trước có hai mươi một tâm sở và một tâm vương.

Hai mươi một tâm sở: Gồm mười đại địa, mười đại thiện địa, và một hân hoặc một yểm, vì diệt thứ này nên có hai mươi hai vật, bất tương ưng hành thể chỗ gọi là Vô tướng, cho nên tùy theo việc mà chấp nhận tâm vương và tâm sở là thể của định.

### 9. Nói về mạng căn:

Dưới đây là thứ năm của đại văn nói về mạng căn: Luận chép: đã nói về hai định rồi vậy mạng căn là gì? Tụng chép: Thể mạng căn tức thọ.

### 10. Nói về bốn tướng: Giữ được và thức.

Giải thích: câu trên hội danh, câu dưới dùng chứng. Luận chép: thể của mạng là thọ cho nên Đối pháp chép: tại sao mạng căn cho là thọ mạng của ba cõi.

Giải thích: Đã dùng thọ để giải thích mạng nên biết mạng chính là Thọ. Ở đây lại chưa hiểu pháp nào gọi là Thọ. Nghĩa là có pháp riêng giữ được noãn và thức nên gọi là Thọ.

Dưới đây là thứ sáu nói về bốn tướng, trong đó có hai:

1) Nói về bốn tướng.

2) Giải thích câu hỏi.

- Trong bốn tướng gồm:

a. Bốn tướng.

b. Tùy tướng.

Về Bốn tướng: Luận chép đã nói về mạng căn, còn bốn tướng là gì?

Tụng chép:

*Tướng là các hữu vi*

*Tánh sinh trụ dị diệt.*

Giải thích: Câu trên là nêu chương, câu dưới nêu Thể.

Tướng: là năng tướng.

Nói các hữu vi: là pháp sở tướng.

Các hữu vi: là nhân duyên năm uẩn tạo tác nên gọi là vi. Các Pháp

như sắc tâm từ nhân duyên mà sinh có hành vi kia nên gọi là hữu vi.

Tướng là nêu tướng, là thể của tướng pháp làm thành hữu vi, nên luận chép: Do bốn thứ này là tướng hữu vi nếu pháp có ở đây thì lẽ ra là hữu vi trái với đây là pháp vô vi.

Giải thích: Đây là giải thích nghĩa của Tướng.

Tánh sinh trụ diệt diệt: là nêu thể. Trong đó pháp năng khởi gọi là Sinh, có thể an gọi là Trụ, suy gọi là Di, hoại gọi là Diệt.

Tánh: Là thể. Tông Tát-bà đa nói bốn tướng này có thật.

Luận chép: Chẳng lẽ không nghe kinh nói có tướng hữu vi của ba hữu vi hay sao?

Giải thích: Đây là dẫn chứng kinh làm câu hỏi.

Kinh nói ba tướng, nay luận nói bốn tướng chẳng lẽ không trái nhau hay sao?

Có ba: Là năng tướng.

Hữu vi là pháp sở tướng, nói lên y chủ thích.

Lại nói hữu vi: là làm cho biết tướng này, biểu thị thể của pháp thành hữu vi, ba tướng này là tướng hữu vi.

Trong kinh này lẽ ra nói bốn tướng.

Giải thích: ở trong kinh này lẽ ra có bốn nhưng không nói vì sao? Là gọn, cái gọi là Tướng là Trụ, nhưng kinh nói trụ diệt, là lên khác của trụ này. Như sinh gọi là khởi, diệt gọi là tận. Như thế nên biết diệt gọi là trụ diệt.

Giải thích: Có ba sư chú thích kinh. Một trong các vị Sư này nói. Kinh không nói Trụ mà nói ba tướng: 1. Khởi; 2. Trụ; 3. Tận Nhưng kinh nói tướng trụ diệt. Luận này nói tướng diệt là tên riêng. Là y theo trụ để nói về diệt nên diệt gọi là trụ diệt.

Khởi: Là tên khác của Sinh. Như tướng Tận là tên khác của Diệt. Nên biết tướng Diệt là tên khác của trụ diệt. Như pháp làm cho ba đời trôi đi kinh này nói là tướng hữu vi, làm cho các hữu tình sinh chán sợ nghĩa là các hành kia bị năng. Lực của sinh đời đổi làm cho vị lai trôi chảy về hiện tại, Tướng Diệt và diệt, năng lực làm cho đời đổi, khiến cho từ hiện tại trôi vào quá khứ làm cho nó suy hao hoại diệt. Trụ nơi hành ấy thuộc về thọ an lạc. Thường lạc không lìa hành. Cho nên không lập ở tướng hữu vi.

Giải thích: Sư thứ nhất này giải thích ý kinh, ba tướng đời đổi hành cho nên kinh nói như vậy. Vì trụ lạc an lập nên kinh không nói.

Lại pháp vô vi có tự tướng trụ. Vì tướng trụ xâm phạm kia cho nên kinh không nói.

Chú: Sư thứ hai giải thích kinh. Vô vi lắng lặng là tự tướng trụ.

Hữu: Là kinh này nói Trụ và Dị hợp thành một, gọi là tướng trụ dị, chú thích: Đây là thuyết của Sư thứ ba, kinh nói trụ dị cả hai hợp lại nói thì khác với sư trước. Chỉ là tướng dị cần hợp chung như thế (là hỏi) trụ là chỗ mê đắm của hữu tình vì làm cho hữu tình xả bỏ, nên hợp với dị để nói, như nói hắc nhĩ và cát tường đi chung. Cho nên chắc chắn có bốn tướng hữu vi. Cát tường và Hắc nhĩ là hai chị em. Chị tên là tốt đẹp may mắn hễ cô ta đến chỗ nào thì nơi đó Cát tường, em tên là Hắc Nhĩ vì có hai tai đen, nên gọi là Hắc Nhĩ, hễ cô ta đến chỗ nào thì nơi đó suy tổn tai họa, người ngu tham ái cát tường, người hiểu biết thì làm cho chán lìa, trước chỉ cho Hắc Nhĩ, trụ dụ cho Cát tường, Dị dụ cho Hắc Nhĩ, muốn làm cho chán trụ nên hợp nói với Dị.

### 11. Nói về tùy tướng:

Từ đây thứ hai nói về Tùy tướng:

Luận chép: Các tướng như tướng sinh v.v... này đã là hữu vi, lẽ ra còn có bốn tướng riêng như sinh v.v... (là hỏi). Nếu còn có riêng thì lẽ ra đến vô cùng, kia lại có các tướng như tướng sanh v.v... khác (là hỏi), tướng là hữu vi, có bốn tướng riêng trên tướng có tướng thành lỗi vô cùng, lẽ ra nói còn có, nhưng chẳng phải vô cùng (là song đáp). Vì sao? (là hỏi)

Tụng chép:

*Đây có sinh sinh thủy  
Đối tám một có thể.*

Giải thích: Câu trên là đáp câu hỏi, câu dưới trả lời câu hỏi.

Đây: là bốn tướng gốc ở trước.

Sinh sinh thủy: là bốn tướng nhỏ. Nghĩa là bốn tướng nhỏ có bốn thứ tùy tướng như sinh sinh cho nên thành hữu vi.

Luận chép: các hành hữu vi có bốn tướng gốc, hữu vi của tướng gốc do bốn tùy tướng.

Giải thích: Các hành thành hữu vi do tướng của bốn tướng gốc, tướng gốc thành hữu vi do tướng của bốn tùy tướng.

Sinh sinh thủy: gồm trụ trụ, dị dị, diệt diệt. Ở đây có ba tên gọi:

1) Nói sinh sinh thủy. Chữ sinh ở trên là sinh nhỏ, chữ sinh dưới là sinh lớn. Vì từ sinh nhỏ mà phát sinh ra sinh lớn gọi là trụ trong tướng nhỏ của sinh sinh, trụ vào trụ tướng gốc gọi là trụ trụ, dị trong tướng dị với dị của tướng gốc gọi là dị dị. Diệt trong tướng nhỏ diệt cái diệt của tướng nhỏ gọi là Diệt diệt, như Sinh sinh đã giải thích.

2) Nói tùy tướng: Là theo tướng gốc.

3) Gọi là tiểu tướng, là tướng của một pháp.

Tướng gốc cũng có ba tên gọi:

- Tướng gốc vì làm tướng của pháp gốc.
- Đại tướng vì làm tướng của tám pháp.
- Sinh sinh đẳng: vì sinh ra tám pháp.

Không đồng sinh nhỏ, chỉ sinh ở sinh, cho nên chỉ gọi là sinh. Trụ v.v... cũng vậy

Đối tám một có thể: Là vận hỏi chung về vô cùng. Chẳng lẽ không có tướng gốc như pháp sở tướng, mỗi pháp lẽ ra có bốn thứ tùy tướng. Đây đều có bốn xoay vần vô cùng, là chung với vận hỏi này, cho nên có bài tụng này.

Bốn thứ tướng gốc: Đối với tám thứ có bốn tùy tướng, không có lỗi vô cùng. Lại khi tướng sinh phát sinh ra sắc pháp thì chín pháp đều hiện khởi, một là pháp gốc. Là tự thể của sắc, trên đây có bốn tướng gốc bốn tùy, cho nên thành chín pháp. Trong chín pháp thì sinh không thể có tự sinh, sinh trừ đi tự thể thì có thể sinh tám pháp khác trụ trong tướng gốc không thể tự trụ mà có thể trụ vào tám pháp khác.

Trong tướng gốc thì dị không thể tự dị mà dị đối với tám pháp khác.

Trong tướng gốc diệt không thể tự diệt mà diệt tám pháp khác, cho nên bốn tướng gốc đối với tám pháp có công năng, đối với chín pháp sinh không tự sinh, là sinh ra sinh sinh, tự không tự trụ, trụ trụ đến trụ. Dị không tự dị mà do dị khác với dị. Diệt không tự diệt do diệt diệt cái diệt. Cho nên bốn tùy tướng đối với một pháp có công năng, do lý này mà không có lỗi vô cùng.

Cho nên luận chép: Bởi vậy các tướng như tướng sinh v.v... lại có tướng, tùy tướng chỉ có bốn không có lỗi vô cùng.

Lại kinh chép: có ba tướng hữu vi của hữu vi. Luận chép: Nhưng kinh lại nói về hữu vi rằng: Làm cho biết tướng này là hữu vi chớ cho tướng này là có hữu vi, như cò trắng ở thì nói lên nước chẳng phải không, cũng chớ cho biểu thị hiện ác hữu vi, như tướng gái đẹp biểu thị thiện bất thiện.

Giải thích: từ xa thấy cò trắng là nói biết có nước, như gái có tướng đẹp rõ ràng sinh ra con tốt, có tướng xấu thì sinh ra con xấu. Nay bốn tướng này chỉ biểu thị hữu vi. Vì pháp hữu vi này không biểu thị hữu vi là nghĩa có không giống như trắng biểu thị nghĩa có. Lại bốn tướng này không nói lên tánh thiện ác của hữu vi nên không đồng với gái đẹp nói lên thiện, bất thiện.

## 12. Giải thích lời vặn hỏi:

Dưới đây là thứ hai giải thích vặn hỏi:

Theo tông Kinh Bộ bốn tướng là giả, không chấp nhận Hữu tông tông nói vị lai có tự thể, thật có tướng sinh. Cho nên Luận chép: nếu sinh ở vị lai thì ra sinh pháp sở sinh, tất cả pháp ở vị lai sao không sinh ngay?

Tụng chép:

*Sinh năng sinh sở sinh.*

*Chẳng lia nhân duyên hợp.*

Giải thích: hai câu này là trả lời vặn hỏi của tông Kinh bộ.

Nhân: là sáu nhân. Duyên là bốn duyên.

Luận chép: không lia các nhân duyên còn lại mà hòa hợp. Chỉ có năng lực của tướng sinh, vì Năng sinh sở sinh cho nên các pháp vị lai chẳng phải đều khởi ngay.

## 13. Nói về danh thân v.v...

Dưới đây là thứ bảy của toàn văn nói về danh thân v.v...

Luận chép: Đã nói tướng của các pháp hữu vi rồi, nghĩa của các thứ như danh thân v.v... thì thế nào?

Tụng chép: Cái gọi danh thân thấy,

Tướng chương, chữ, nói chung.

Giải thích: danh thân v.v... là nêu chương.

Cái gọi hạ là giải thích.

Vân vân (đẳng) là gồm cả cú văn và văn thân.

Tướng chữ chương nói chung: là giải thích ở trên dùng tướng giải thích tên, dùng chương giải thích câu, dùng chữ giải thích văn, dùng nói chung giải thích Thân.

Luận chép: Gọi là tác tướng. Giải thích: Tướng: là chấp lấy đối tượng, hoặc nghĩa khế ước, hoặc chấp vào đối tượng gọi là Tướng, tướng là tâm sở, như nói sắc danh, có công năng sinh ra sắc tướng, do danh mà sinh ra tướng gọi là tác tướng. Nếu nghĩa khế ước tướng tức là danh. Các bậc hiền Thánh cùng cho là khế ước đặt tên sắc v.v... danh tức là tướng. Do đó gọi là tướng, này có công năng giải thích nên gọi là tác tướng.

Tiếng Phạm là Na-ma, đời Đường dịch là Danh, nghĩa là theo, là trở về là đến. Tức là theo âm thanh, đến cảnh gọi sắc v.v... gọi là nghĩa năng thuyên. Luận chép: Cú: là chương giải thích nghĩa rất ráo như nói chương các hành vô thường v.v... hoặc nói về đức nghiệp dụng, bấy giờ tướng ứng khác nhau Chương này gọi là Cú.

Giải thích: lại như một sắc có nghiệp bị thấy năng phát ra công

dụng biết, đức xanh vàng v.v... thời quá khứ vị lai hợp với bốn tướng gọi là tướng ứng.

Không tương ứng: là khác nhau nghĩa là năng phân biệt sắc là cái bị thấy chương này gọi là Cú. Tiếng Phạm là Bát-đà, dịch nghĩa là Cú, dịch đúng là Tích. Nghĩa là như thân con voi có dấu của bốn chân. Lại như một bài tụng gồm có bốn câu. Cho nên này y theo nghĩa dịch là Cú, tiếng Phạm là Trôi buộc-ca, Hán dịch là Chương.

Chương: Là giải thích nghĩa rất ráo, nên dùng chương giải thích câu (cú).

Vân: Là chữ như nói chữ: ác, a, nhất, y, là chữ trong bất tương ứng, khác với chữ trong Hắc thư của Trung quốc. Tiếng Phạm là Tiệ-n-thiệ-n-na, đời Đường dịch là vân, là có công năng làm hiển rõ ý nghĩa, gần hiển bày danh cú, xa là hiển bày nghĩa, phong tục các nước phía Tây, thì đối với muối dấm cũng gọi là Tiệ-n-thiệ-n-na, cũng gọi là nghĩa năng hiển. Quạt có công năng hiển bày gió, muối dấm có công năng hiển rõ vị trong thức ăn. Cho nên xưa dịch Vị là nhâm.

Thân: nghĩa là nhóm hợp.

Tổng thuyết: là nghĩa nhóm hợp, là hợp lại gọi là tên hai, ba vì nghĩa tụ tập nên lấy nghĩa nói chung để giải thích nghĩa thân.

#### **14. Giải thích danh từ:**

Luận chép nói: Tổng thuyết: là nghĩa nhóm hợp, trong nghĩa nhóm hợp nói Ớt-già-giới.

Giải thích: tiếng của phương tây tạo chữ có tự giới, tự duyên. Giới là nghĩa gốc, dùng chữ trợ duyên mà thành nhiều nghĩa. Lại Ớt-già là tự giới, vốn tạo tự gia, đối với nghĩa nhóm hợp lập tự giới Ớt-già. Sau đó dùng chữ trợ duyên với Ớt-già giới chuyên thành tam mộc-ngật-đề. Đời Đường dịch là Tổng thuyết. Đã biết nghĩa tổng thuyết, phát khởi từ Ớt-già. Ớt-già là nghĩa nhóm hợp biết rõ tổng thuyết là nghĩa nhóm hợp. Văn này nói đối với nghĩa nhóm hợp nói Ớt-già giới để chứng minh tổng thuyết, là nghĩa nhóm hợp, đã lấy tổng thuyết để giải thích thân. Cho nên biết nhiều tên nhóm hợp thành Danh Thân. Nhưng một danh là danh chữ không phải danh Thân, hai tên gọi là thân, như nói sắc thân, ba tên trở lên gọi là Danh thân, như nói sắc thính hương v.v... có ba danh.

Một câu là cú, chẳng phải cú thân, hai câu là cú, cũng là cú thân. Ba câu trở lên gọi là nhiều cú thân. Như nói các hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn vắng lặng, đây đều có ba cú, gọi là nhiều cú thân.

Một chữ là văn, không phải văn thân, hai chữ thì vừa là văn, vừa là văn thân, ba chữ trở lên gọi là nhiều văn thân. Như ca, khứ, già có ba chữ gọi là nhiều văn thân.

Luận chép: Lại như người xưa trong chín nghĩa cùng lập một thanh cù, vì có thể giải thích định lượng.

Có bài tụng chép:

*Phương, thú, địa, quang, ngôn  
Kim cương, thiên, nhãn, nước  
Với chín thứ nghĩa này.*

Người trí lập thanh cù: 1. Phương. 2. Thú. 3. Địa. 4. Quang. 5. Ngôn. 6. Kim cương. 7. Nhãn. 8. Thiên. 9. Nước, đều là một thanh cù, đặt tên chín nghĩa này chỉ cho phương gọi là Cù, Cù thì gọi là Thú, còn lại y theo đây mà biết.

### 15. Nói rộng các môn:

Dưới đây là thứ ba nói rộng các môn trong đó có hai:

- 1) Nói về danh v.v...
  - 2) Nói về đồng phần v.v...
- Nói về danh v.v...

Luận chép: danh thân này v.v... ràng buộc cõi nào, là số hữu tình hay vô tình, là dị thực sinh hay được tăng trưởng: là tánh đẳng lưu, là thiện, là bất thiện hay vô ký ở đây đều nên nói.

Tụng chép:

*Thuộc hữu tình Dục, Sắc.  
Tánh đẳng lưu vô ký.*

Giải thích: Dục sắc: là môn giới hệ nghĩa là danh thân này, cõi Dục, cõi Sắc hệ, nghĩa là danh cú văn thân, nương vào tiếng mà có, Không sắc, không thanh nên không có danh v.v...

Thuộc hữu tình: Luận chép: lại danh thân v.v... thuộc về số hữu tình Năng thuyết: thành nghĩa không hiển bày.

Giải thích: năng thuyết thành hiển bày chỉ có vô tình, không hiển nghĩa là không có vô tình.

Đẳng lưu: là năm thứ môn danh thân v.v... này là nhân đồng loại sinh trong năm thứ, chỉ có tánh đẳng lưu, vì không bị nghiệp cảm nên không có dị thực, vì không phải sắc pháp nên không có Nuôi lớn.

Vô ký: là môn Ba tánh, cũng thuộc về tánh vô phú vô ký. Nghĩa là danh thân v.v... nương vào tiếng mà khởi, không phải tâm lực đích thân phát khởi được, cho nên chỉ là vô ký.

Tiếng là tâm lực, đích thân có thể phát khởi, nên có cả ba tánh.



## 16. Nói về đồng phần:

Dưới đây là thứ hai nói về Đồng phần: Luận chép: Như trên đã nói các bất tương ứng còn lại chưa nói nghĩa nay sẽ nói lược.

Tụng rằng:

*Đồng phần cũng như thế Cùng dị thực Vô  
Sắc Đắc có cả ba thứ  
Phi đắc định đẳng lưu.*

Giải thích: Đồng phần cũng như thế: là nói lên đồng phần, như danh ở trước v.v... có cả cõi Dục, cõi Sắc hữu tình, đẳng lưu, vô phú vô ký.

Cùng Vô Sắc: là nói đồng phần không chỉ ở cõi Dục, cõi Sắc, mà còn có ở cả cõi Vô Sắc, đồng thời dị thực, nghĩa là nói đồng phần chẳng phải chỉ có đẳng lưu, đồng thời có cả tánh dị thực là do đồng phần này là giới có cả ba thứ, có cả hai nghĩa.

Giới ba: là ba cõi.

Loại hai: là đẳng lưu và dị thực.

Đắc tướng có cả ba thứ: đắc là năng đắc, tướng là bốn tướng. Đắc và tướng này chỉ có ba thứ.

1. Có sát-na; 2. Tánh đẳng lưu; 3. Tánh dị thực. Đối với khổ pháp nhãn thì Đắc và bốn tướng là có sát-na hai thứ còn lại là đẳng lưu và dị thực thì có thể biết.

Phi đắc định đẳng lưu: Phi đắc: là chẳng đắc.

Định: là hai định, là định Vô tướng và định Diệt tận. Phi đắc và định trong năm môn, nhân đồng loại sinh. Chỉ có tánh đẳng lưu không bị nghiệp cảm cho nên không có dị thực vì chẳng phải sắc pháp nên không có nuôi lớn, vì tánh đẳng lưu nên chẳng có sát-na, vì là hữu vi nên không có thật.

